

Bản án số: 16/2020/DSST

Ngày: 08- 9- 2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tình
2. Ông Nguyễn Huy Thông

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Hoàng Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-DS ngày 10/6/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Hồ Đình Ng, sinh năm 1957. Vắng mặt
Bà Tô Thị L, sinh năm 1966. Có mặt.

Người được ông Hồ Đình Ng ủy quyền: Bà Tô Thị L sinh năm 1966. Có mặt (Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2020).

Đều có địa chỉ: Thôn Th, xã T Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Đồng bị đơn: Anh Hồ Ng, sinh năm 1973. Có mặt.

Chị Đinh Thị Ng, sinh năm 1984. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Th, xã T Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị L trình bày:

Ngày 15/8/2013 (dương lịch), ông Hồ Ng và bà Đinh Thị Ng đến cửa hàng gia đình của ông Ng, bà L để mua dầu máy đi biển, với tổng số tiền là 163.230.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Sau khi mua xong, ông Hồ Ng và bà Đinh Thị Ng khất nợ và ký vào sổ nợ của vợ chồng ông Ng, bà L, chữ

ký do bà Ng ký nhận và hẹn đến tháng 12 năm 2014 sẽ trả hết nợ, lãi suất thỏa thuận là 1,3%/tháng.

Nhưng kể từ khi nợ cho đến nay vợ chồng ông Hồ Ng và bà Đinh Thị Ng chưa trả nợ cho vợ chồng ông Ng, bà L được đồng nào. Đến hẹn trả nợ, vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà Ng trả số tiền nợ mua dầu trên cho vợ chồng bà nhưng ông Ng, bà Ng vẫn cố tình chây ỳ không chịu trả.

Nay vợ chồng bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ng, bà Ng trả nợ cho vợ chồng bà cụ thể như sau:

- Buộc ông Hồ Ng, bà Đinh Thị Ng trả số tiền nợ gốc là 163.230.000 đồng.

- Buộc ông Ng, bà Ng trả tiền lãi suất kể từ khi nợ cho đến nay là 76 tháng x 163.230.000 đồng x 1,3%/tháng = 161.271.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 324.501.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm linh một nghìn đồng).

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Ng và chị Đinh Thị Ng thống nhất trình bày:

Vợ chồng anh Ng, chị Ng có mua dầu máy đi biển của ông Hồ Đình Ng và bà Tô Thị L nhiều lần, đến tháng 8 năm 2013 thì hai bên có chốt sổ nợ với nhau và còn nợ ông Ng, bà L số tiền 163.230.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, do vợ chồng anh chị đầu tư vào thuyền bị thua lỗ, làm ăn gặp khó khăn nên chưa có tiền trả nợ cho ông Ng, bà L. Nay ông Ng, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh chị trả tiền gốc và lãi như trên thì anh Ng, chị Ng xin bà L cho vợ chồng anh chị trả một nửa số tiền nợ gốc và không đồng ý trả tiền lãi vì khi chốt sổ nợ hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất, 1,3% là bà Lý tự ý ghi vào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Về tố tụng:

Ông Hồ Đình Ng, bà Tô Thị L khởi kiện yêu cầu anh Hồ Ng, chị Đinh Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền mua dầu máy đi biển. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh Hồ Ng và chị Đinh Thị Ng có nơi cư trú tại thôn Th, xã T Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về nội dung:

Ông Hồ Đình Ng và bà Tô Thị L khởi kiện yêu cầu anh Hồ Ng và chị Đinh Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà số tiền nợ mua dầu máy đi biển là 163.230.000 đồng và tiền lãi suất kể từ khi nợ cho đến nay là 76 tháng x 163.230.000

đồng x 1,3%/tháng = 161.271.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 324.501.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm linh một nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được coi là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc anh Hồ Ng và chị Đinh Thị Ng chậm thanh toán tiền dầu máy đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ng và bà L. Do đó, việc ông Ng, bà L khởi kiện yêu cầu bên mua dầu máy là anh Ng, chị Ng trả số tiền nợ dầu máy là 163.230.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về tiền lãi suất Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ bản gốc sổ theo dõi bán hàng và trả nợ. Xác định được, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện anh Ng, chị Ng còn nợ ông Ng, bà L 163.230.000 đồng tiền mua dầu máy đi biển chưa trả. Nay ông Ng, bà L yêu cầu anh Ng, chị Ng phải có trách nhiệm trả cho ông Ng, bà L tiền gốc còn lại là có căn cứ. Tuy nhiên ông Ng, bà L yêu cầu anh Ng, chị Ng trả cả gốc và lãi suất 1,3%/tháng từ tháng 12 năm 2014 đến nay tổng là 161.271.000 đồng là không có căn cứ vì trong giấy theo dõi tiền nợ và chốt nợ hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, bị đơn anh Ng, chị Ng không thừa nhận mà cho rằng bà L tự ý viết thêm vào. Xét vào phần cuối của giấy theo dõi nợ và chốt nợ thì (chữ lãi 1,3%) là viết sau chữ ký của chị Ng, do đó các bên không thỏa thuận lãi suất là có cơ sở. Tuy nhiên hai bên chốt nợ vào tháng 8 năm 2013 và hẹn đến tháng 12 năm 2014 sẽ trả hết nợ nhưng đến hạn trả nợ thì anh Ng và chị Ng vẫn không trả được nợ cho ông Ng và bà L. Do đó, có cơ sở để buộc anh Ng, chị Ng phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho ông Ng, bà L. Vì trong giấy ghi nợ và chốt nợ không ghi rõ ngày nào của tháng 12 năm 2014 nên Hội đồng xét xử xác định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014, vì vậy buộc anh Ng, chị Ng trả lãi cho ông Ng, bà L kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/9/2020.

Theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả thì lãi suất được xác định là 10%/năm (0,83%/tháng). Như vậy lãi suất chậm trả được tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/9/2020, thời gian anh Ng, chị Ng chậm thanh toán được xác định là 68 tháng 08 ngày. Do đó, anh Ng, chị Ng phải chịu tiền lãi chậm thanh toán là (68 tháng 08 ngày) x 10%/ năm = 92.488.000 đồng.

Từ những phân tích trên xét thấy việc ông Ng và bà L yêu cầu anh Ng và chị Ng trả tiền mua dầu máy đi biển còn nợ là có cơ sở nhưng việc ông Ng, bà L yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,3%/tháng là không phù hợp nên yêu cầu của ông Ng, bà L chỉ được chấp nhận một phần. Buộc anh Ng và chị Ng phải có trách nhiệm trả cho ông Ng và bà L cả gốc và lãi suất là 255.718.000 đồng.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Ng, bà L bị bác một phần nên ông Ng, bà L phải liên đới chịu án phí đối với phần yêu cầu bị bác (68.783.000 đồng) theo quy định của pháp luật là 3.439.150 đồng.

- Đối với anh Ng và chị Ng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Ng, bà L được chấp nhận một phần nên anh Ng và chị Ng phải liên đới chịu án phí đối với phần yêu cầu của ông Ng, bà L được chấp nhận theo quy định của pháp luật là: 255.718.000 đồng x 5% = 12.785.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 430, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Đình Ng và bà Tô Thị L đối với bị đơn anh Hồ Ng và chị Đình Thị Ng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, cụ thể:

Buộc anh Hồ Ng và chị Đình Thị Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho ông Hồ Đình Ng và bà Tô Thị L số tiền nợ đầu máy là 163.230.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2020) là 92.488.000đ (chín mươi hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng là 255.718.000đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc ông Hồ Đình Ng và bà Tô Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận là 3.439.150đ (ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 8.112.000đ (Tám triệu một trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003817 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu hoàn trả lại cho ông Hồ Đình Ng và bà Tô Thị L số tiền 4.672.850 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Anh Hồ Ng và chị Đình Thị Ng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.785.900đ (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Đóa